TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **118/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01-8-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trần Trường Phát**.

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Đức Anh**.

2. Ông **Nguyễn Xuân Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lý** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai bổ sung, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Trên sơ sở tự nguyện, chị và anh Nguyễn Văn P tự sống chung và đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh Nguyễn Văn P không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn P có 03 người con chung là cháu

Nguyễn Yến N, sinh ngày 30/10/2002, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 30/3/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Gia K, không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Yến N đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn P vắng mặt nên không có lời trình bày.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân nhân dân huyện Xuân Lộc*: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và sự chấp hành pháp luật của các đương sự cơ bản đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P; Về con chung, giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 30/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng; tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Nguyễn Văn P; cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 30/10/2002 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn P và yêu cầu nuôi dưỡng con chung, anh Nguyễn Văn P hiện đang cư trú tại ấp B, xã X, huyện Xuân Lộc nên quan hệ pháp luật là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn P nên chị Nguyễn Thị Thu H là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn P là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị Nguyễn Thị Thu H cho rằng vợ chồng mâu thuẫn là do đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có lời trình bày, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được để anh chị khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương cho thấy, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P có đăng ký kết hôn và sống tại địa phương, tuy nhiên hiện nay chị Nguyễn Thị

Thu H và anh Nguyễn Văn P không còn chung sống với nhau và chị Nguyễn Thị Thu H đang sống cùng với 03 người con chung. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P đều vắng mặt, chứng tỏ anh chị không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P có 03 người con chung là cháu Nguyễn Yến N, sinh ngày 30/10/2002, cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 30/3/2012. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Gia K, cháu Nguyễn Yến N đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Gia K đang sống cùng chị Nguyễn Thị Thu H, quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn P không có ý kiến trình bày về việc nuôi con, cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Gia K cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ, do đó nên giao cháu Nguyễn Gia B và cháu Nguyễn Gia K cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cháu Nguyễn Yến N đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, nên không giải quyết việc nuôi con là phù hợp.

Tạm thời chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc về đường lối giải quyết vụ án phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 11/6/2008 và cháu Nguyễn Gia K, sinh ngày 30/3/2012 cho chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Văn P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P được quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0006323 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trần Trường Phát

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.